

- Các học phần học song hành: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Tiếng Anh căn bản đạt trình độ trung cấp
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
 - + Thảo luận: 15 tiết
 - + Thực hành, thực tập (*ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*):
 - + Hoạt động theo nhóm: 15 tiết
 - + Tự học: 120 tiết

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Học phần này được thiết kế nhằm giúp học viên (đã có trình độ trung cấp tiếng Anh tổng quát) cải thiện vốn từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng và nâng cao kiến thức của học viên về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, nghiệp vụ ngân hàng, tài chính công. Mục tiêu là trang bị cho học viên vốn từ vựng và kiến thức căn bản tiếng Anh chuyên ngành trước khi khởi nghiệp hoặc những người đã và đang làm việc cần sử dụng tiếng Anh chuyên môn trong công việc của họ.

2.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức:
 - Đạt được kiến thức nền và những khái niệm căn bản về các vấn đề và hoạt động tài chính, ngân hàng khác nhau bằng tiếng Anh.
 - Nắm vững hệ thống thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, nghiệp vụ ngân hàng, tài chính công.
 - Hiểu được các bài giảng bằng tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực tài chính & ngân hàng.
 - Hiểu biết cơ bản về kinh tế, quản trị, tài chính, ngân hàng.
- Kỹ năng:
 - Phát triển kỹ năng đọc hiểu các bài text tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến tài chính và ngân hàng để có thể tham khảo tài liệu bằng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành này.
 - Phát triển kỹ năng phân tích vấn đề & giải quyết tình huống (Case study).
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm (teamwork)
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp (communication) và thuyết trình (presentation)
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: độc lập; tự tin trong môi trường làm việc; nhiệt tình với công việc; sẵn sàng ra quyết định; thích ứng với sự thay đổi; hiểu rõ năng lực, phẩm chất, kiến thức chuyên môn của bản thân và người khác; tìm hiểu cái mới và học tập suốt đời.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

HỌC KỲ 2 – ANH VĂN 1: TÀI CHÍNH (FINANCE)

Chủ đề 1: Venture capital

Giới thiệu về Vốn mạo hiểm (Venture capital) dành cho những người muốn khởi nghiệp mà không thể vay vốn từ các ngân hàng thương mại hay các nhà đầu tư cá nhân và định chế do có nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp mới thành lập.

Chủ đề 2: Stocks and Shares

Giới thiệu về cổ phần, cổ phiếu, vốn cổ đông và quy trình, phương thức phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, sự khác nhau giữa cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi; thị trường sơ cấp, thị trường thứ cấp; phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu và các loại cổ phiếu và lợi ích khác nhau của chúng.

Chủ đề 3: Shareholders

Giới thiệu về các loại cổ đông khác nhau, tên gọi và đặc điểm của các loại cổ đông cũng như tìm hiểu về cổ tức và lãi vốn; nhà đầu tư vs. nhà đầu cơ.

Chủ đề 4: Share prices

Giới thiệu về những tác động lên giá cổ phiếu; các giả thuyết về tiên đoán giá cổ phiếu và các loại rủi ro hệ thống và phi hệ thống là gì.

Chủ đề 5: Bonds

Giới thiệu về trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty, giá và lợi suất của trái phiếu và các loại trái phiếu khác như trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không lãi, trái phiếu rác...

Chủ đề 6: Futures

Giới thiệu về những hợp đồng tương lai và kỳ hạn, sự khác nhau và mục đích của hai loại hợp đồng này; hợp đồng tương lai về hàng hoá và hợp đồng tương lai về tài chính; định nghĩa của trò chơi có tổng bằng không (Zero sum games).

Chủ đề 7: Derivatives

Tìm hiểu về các sản phẩm phái sinh như hợp đồng quyền tùy chọn, chứng quyền và hoán đổi, thế nào là trong giá và ngoài giá.

Chủ đề 8: Hedge funds & Structured products

Tìm hiểu về Quỹ đầu tư phòng hộ, mục đích và cách sử dụng chúng; vốn vay hay đòn bẩy tài chính là gì, vận hành ra sao; trường vị hay đảo vị; kinh doanh chênh lệch giá là gì và các loại sản phẩm được cấu trúc.

Chủ đề 9: Megers & Takovers

Giới thiệu về các thương vụ sáp nhập và mua lại/tiếp quản; sự khác nhau giữa tiếp quản thân thiện và tiếp quản thù địch, biện pháp chống lại sự thôn tóm thù địch; các loại hình hợp nhất ngang, dọc, tiến, lùi là gì.

Chủ đề 10: Leveraged buyouts

Tìm hiểu về việc mua đứt một doanh nghiệp bằng vốn vay; tập đoàn kinh doanh đa ngành: hiệu quả hay không hiệu quả? Kẻ tập kích công ty là gì? Mục đích và phương thức tiến hành.

Chủ đề 11: Financial planning

Giới thiệu về việc lập kế hoạch tài chính bao gồm việc tài trợ cho những khoản đầu tư mới; chiết khấu ngân lưu; so sánh các khoản tiền lời từ đầu tư; hiện giá thuần, chỉ số hoàn vốn nội bộ là gì, ...

Chủ đề 12: Financial regulation & supervision

Giới thiệu về quy định và giám sát tài chính, bao gồm quy định của chính phủ, những biện pháp kiểm soát nội bộ, và đạo luật Sarbane – Oxley của chính phủ Hoa Kỳ nhằm giải quyết những xung đột lợi ích trầm trọng giữa các ngân hàng.

Chủ đề 13: Public finance overview

Giới thiệu tổng quan về Tài chính công: phạm vi và các nguyên tắc; kỷ luật tài chính (năng lực của chính phủ trong việc duy trì hoạt động tài chính trôi chảy và sự lành mạnh tài chính lâu dài); không gian và dư địa tài khoá và những rủi ro (tính linh hoạt của một chính phủ trong các lựa chọn chi tiêu của mình và tổng quát hơn là phúc lợi tài chính của một chính phủ.)

Chủ đề 14: Public finance management

Giới thiệu về Quản trị tài chính công bao gồm các khái niệm chi công, thu công, nợ công và quản trị tài chính.

Chủ đề 15: Public finance: Taxation

Giới thiệu về hệ thống thuế: Các khoản thanh toán mà chính phủ bắt buộc các cá nhân và công ty phải nộp nhằm huy động nguồn thu để chi trả cho các chi phí về hàng hoá và dịch vụ công cộng và để kiểm soát lượng chi phí của khu vực tư nhân trong nền kinh tế; Vấn đề cải cách thuế; Thuế đánh vào giá trị của cải ròng.

HỌC KỲ 3 – ANH VĂN 2: HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (BANKING)

Chủ đề 1: Personal banking

Giới thiệu về nghiệp vụ ngân hàng cá nhân: Tài khoản vãng lai, tài khoản tiết kiệm/ký gửi; thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ; chuyển khoản ngân hàng, lệnh chi thường kỳ, lệnh ghi nợ ...; Các

sản phẩm và dịch vụ ngân hàng: thấu chi, các khoản cho vay có thể chấp, ngân phiếu lữ hành; Giao dịch ngân hàng điện tử.

Chủ đề 2: Commercial and retail banking

Giới thiệu về ngân hàng thương mại và bán lẻ, cung ứng tín dụng, tỉ lệ dự trữ bắt buộc; các khoản cho vay và những rủi ro; cân đối giữa tính thanh khoản và những thời điểm đáo hạn khác nhau, cân đối lợi suất và rủi ro.

Chủ đề 3: Financial institutions

Giới thiệu về các loại định chế tài chính như ngân hàng bán lẻ, ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, công ty bảo hiểm, quỹ tiết kiệm nhà ở; Việc bãi bỏ bớt quy định trong những năm 1980 và 1990; và các ngân hàng chuyên doanh.

Chủ đề 4: Investment banking

Giới thiệu về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư với các chức năng chính như huy động vốn cho các công ty và chính phủ bằng cách phát hành các các giấy tờ có bảo chứng như cổ phiếu, trái phiếu; bảo lãnh phát hành; môi giới và giao dịch chứng khoán; đại diện cho các công ty trong các thương vụ sáp nhập và mua lại; và chức năng tư vấn và nghiên cứu.

Chủ đề 5: Central banking

Giới thiệu về nghiệp vụ ngân hàng trung ương với các chức năng chính như cung cấp dịch vụ tài chính cho chính phủ và cho hệ thống nghiệp vụ ngân hàng; chịu trách nhiệm về chính sách tiền tệ; giám sát và điều tiết hệ thống ngân hàng và toàn bộ lĩnh vực tài chính; in và phát hành tiền tệ; quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho các NHTM; quản lý các khoản dự trữ vàng và ngoại tệ và can thiệp vào tỉ giá hối đoái.

Chủ đề 6: Interest rates

Giới thiệu về lãi suất và chính sách tiền tệ và các loại lãi suất khác nhau: chiết khấu, cơ bản, thả nổi ...

Chủ đề 7: Money markets

Giới thiệu về các thị trường tiền tệ dành cho các khoản vay hay đầu tư vốn ngắn hạn; các công cụ thị trường tiền tệ thông thường như trái phiếu kho bạc, kỳ phiếu công ty (thương phiếu), chứng chỉ tiền gửi; hợp đồng mua lại (Repo).

Chủ đề 8: Islamic banking

Giới thiệu về nghiệp vụ ngân hàng Hồi giáo với đặc điểm là hoạt động trên cơ sở chia sẻ lãi và lỗ, không thu lãi từ người vay và không trả lãi cho người gửi tiền; các loại tài khoản và các khoản cho vay ngắn hạn hay cho thuê.

Chủ đề 9: Money supply and control

Giới thiệu về cung tiền và kiểm soát tiền tệ bao gồm đo lường tiền tệ; thay đổi lượng cung tiền và lý thuyết tiền tệ.

Chủ đề 10: Exchange rates

Giới thiệu các khái niệm về tỷ giá hối đoái: tại sao tỷ giá thay đổi, ngang giá sức mua là gì, tỷ giá thay đổi là do sức mua ngang giá hay do đầu cơ tiền tệ; tỷ giá cố định và tỷ giá thả nổi, sự can thiệp của chính phủ vào các thị trường ngoại hối.

3. NỘI DUNG HỌC PHẦN

HỌC KỲ 2 (ANH VĂN 1 – FINANCE)

| STT | NỘI DUNG | TÀI LIỆU THAM KHẢO |
|-----|--|--|
| 1 | An overview of corporate finance Corporate finance Venture capital A. Raising capital B. Return on capital | http://www.masterclassmanagement.com/BusinessManagementCourse-CorporateFinanceOverview.html (PEIU-F) - Ian MacKenzie (1995) “ <i>Financial English</i> ”, Thomson&Heinle. - Ian Mackenzie (2010) “ <i>English for the Financial Sector</i> ”, Cambridge University Press. |
| 2 | Stocks and Shares 1 A. Stock, shares and equities B. Going public C. Ordinary and preference shares Stocks and Shares 2 A. Buying and selling shares B. New share issues C. Categories of stocks and shares | - Ian MacKenzie (1995) “ <i>Financial English</i> ”, Thomson&Heinle. - Ian Mackenzie (2010) “ <i>English for the Financial Sector</i> ”, Cambridge University Press. |
| 3 | Shareholders A. Investors B. Dividends & Capital gains C. Speculators Share prices A. Influences on share prices B. Predicting prices C. Types of risk | - Ian MacKenzie (1995) “ <i>Financial English</i> ”, Thomson&Heinle. - Ian Mackenzie (2010) “ <i>English for the Financial Sector</i> ”, Cambridge University Press. |
| 4 | Bonds A. Government & Corporate bonds B. Prices & yields C. Other types of bonds Futures A. Commodity futures B. Financial futures | - Ian MacKenzie (1995) “ <i>Financial English</i> ”, Thomson&Heinle. - Ian Mackenzie (2010) “ <i>English for the Financial Sector</i> ”, Cambridge University Press. |

| | | |
|----|--|---|
| 5 | Derivatives A. Options B. In-the-money & Out-of-the-money C. Warrants & swaps Hedge funds & Structured products A. Hedge funds B. Leveraged, short-selling and arbitrage C. Structured products | - Ian MacKenzie (1995) “ <i>Financial English</i> ”, Thomson&Heinle. - Ian Mackenzie (2010) “ <i>English for the Financial Sector</i> ”, Cambridge University Press. |
| 6 | Megers & Takovers A. Mergers, takeovers and joint ventures B. Hostile or friendly? C. Intergration Leveraged buyouts A. Conglomerates B. Raiders | - Ian MacKenzie (1995) “ <i>Financial English</i> ”, Thomson&Heinle. - Ian Mackenzie (2010) “ <i>English for the Financial Sector</i> ”, Cambridge University Press. |
| 7 | Financial planning A. Financing new investments B. Discounted cash flows C. Comparing investment returns | - Ian MacKenzie (1995) “ <i>Financial English</i> ”, Thomson&Heinle. - Ian Mackenzie (2010) “ <i>English for the Financial Sector</i> ”, Cambridge University Press. |
| 8 | Financial regulation & supervision A. Government regulation B. Internal controls C. Sarbanes-Oxley | - Ian MacKenzie (1995) “ <i>Financial English</i> ”, Thomson&Heinle. - Ian Mackenzie (2010) “ <i>English for the Financial Sector</i> ”, Cambridge University Press. |
| 9 | PUBLIC FINANCE: OVERVIEW <ul style="list-style-type: none"> • Scope and principles • Fiscal discipline, fiscal space and risks | International Monetary Fund. (2005). <i>Budget System Reform in Emerging Economies: The Challenge and the Reform Agenda</i> . |
| 10 | PUBLIC FINANCE MANAGEMENT <ul style="list-style-type: none"> • Public expenditure • Public revenue • Public debt • Financial administration | WORLD BANK (2005). <i>Public Financial Management: Performance Measurement Framework</i> . Washington DC, World Bank |
| 11 | PUBLIC FINANCE: TAXATION <ul style="list-style-type: none"> • Taxation • Tax reform • Weath tax | International Monetary Fund. (2005). <i>Budget System Reform in Emerging Economies: The Challenge and the Reform Agenda</i> . |
| 12 | Revision & Final test (as mid-term) | |

HỌC KỲ 2 (ANH VĂN 2 – BANKING)

| | | |
|----------------------------|---|---|
| <p>STT</p> <p>1</p> | <p>An Overview of Banks and the Financial-Services Sector</p> <p>Personal banking</p> <p>A. Current accounts</p> <p>B. Banking products & services</p> <p>C. E-banking</p> | <p>McGraw Hill/Irwin (2008). <i>Bank management and Financial Services</i></p> <p>Julie Pratten (2008). <i>Banking English</i>, Delta Publishing, England</p> |
| <p>2</p> | <p>Commercial & Retail banking</p> <p>A. Commercial and retail banks</p> <p>B. Credit</p> <p>C. Loans and risks</p> <p>Financial institutions</p> <p>A. Types of financial institutions</p> <p>B. Deregulation</p> <p>C. Specialized banks</p> | <p>Julie Pratten (2008). <i>Banking English</i>, Delta Publishing, England</p> |
| <p>3</p> | <p>Investment banking</p> <p>A. Raising capital</p> <p>B. Mergers and acquisitions</p> <p>C. Consulting and research</p> <p>Central banking</p> <p>A. The functions of central banks</p> <p>B. The central bank&the commercial banks</p> <p>C. Central banks and exchange rates</p> | <p>Julie Pratten (2008). <i>Banking English</i>, Delta Publishing, England</p> |
| <p>4</p> | <p>Islamic banking</p> <p>A. Interest-free banking</p> <p>B. Types of accounts</p> <p>C. Leasing& short-term loans</p> | <p>Julie Pratten (2008). <i>Banking English</i>, Delta Publishing, England</p> |
| <p>5</p> | <p>Interest rates</p> <p>A. Interest rate and monetary policy</p> <p>B. Different interest rates</p> | <p>Julie Pratten (2008). <i>Banking English</i>, Delta Publishing, England</p> |
| <p>6</p> | <p>Money markets</p> <p>A. The money markets</p> <p>B. Common money market instruments</p> <p>C. Repos</p> | <p>Julie Pratten (2008). <i>Banking English</i>, Delta Publishing, England</p> |
| <p>7</p> | <p>Money supply and control</p> <p>A. Measuring money</p> <p>B. Changing the money supply</p> <p>C. Monetarism</p> | <p>Julie Pratten (2008). <i>Banking English</i>, Delta Publishing, England</p> |
| <p>8</p> | <p>Exchange rates</p> <p>A. Why exchange rates change</p> <p>B. Fixed and floating rates</p> <p>C. Government intervention</p> | <p>Julie Pratten (2008). <i>Banking English</i>, Delta Publishing, England</p> |
| <p>9</p> | <p>Revision & Final test (as mid-term)</p> | |

4. TÀI LIỆU HỌC TẬP

4.1. Tài liệu chính:

- Ian MacKenzie (2006). *Professional English in Use – Finance (PEIU-F)*, Cambridge University Press.
- Musgrave, R. A. (1959). *The Theory of Public Finance*, New York, McGraw-Hill.

4.2. Tài liệu tham khảo

- WORLD BANK (2005). *Public Financial Management: Performance Measurement Framework*. Washington DC, World Bank.
- International Monetary Fund. (2005). *Budget System Reform in Emerging Economies: The Challenge and the Reform Agenda*.
- Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield, Jeffrey Jaffe, “*Corporate Finance*”, 9th edition, McGrawHill International Edition (RWJ1).
- Ian MacKenzie (1995) “*Financial English*”, Thomson&Heinle.
- Ian Mackenzie (2010) “*English for the Financial Sector*”, Cambridge University Press.
- Julie Pratten (2008). *Banking English*, Delta Publishing, England.

5. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên sau mỗi buổi học (qua việc làm bài tập ngay tại lớp sau phần giảng lý thuyết).
- Tham gia học tập thường xuyên, tích cực trên lớp. (Pair/Group work)
- Phần tự học, tự nghiên cứu. (Trả lời một số câu hỏi chuyên sâu của giảng viên có liên quan đến các chủ đề đã học.)

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10)

- **Điểm đánh giá quá trình: 10** **Trọng số: 40%**

Điểm đánh giá quá trình bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần (mid-term test).

- **Điểm thi kết thúc học phần: 10** **Trọng số: 60%**

Duyệt
Trưởng tiểu ban TCNH

Giảng viên biên soạn



TS. Nguyễn Hoàng Quế